

Số: 380/KH-MNHM

Phú Mỹ, ngày 04 tháng 09 năm 2024

KẾ HOẠCH
GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025

Căn cứ Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư Ban hành chương trình Giáo dục mầm non;

Căn cứ Kế hoạch năm học của trường mầm non Hoa Mai;

Căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị.

Trường mầm non xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 như sau:

A. PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG:

- Trường Mầm Non Hoa Mai nằm trên địa bàn khu phố 4, phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Trường có 17 nhóm, lớp (02 nhóm trẻ, 05 lớp mầm, 05 lớp chồi, 05 lớp lá).

- Đội ngũ Cán bộ, giáo viên, nhân viên: 55/52 nữ. Trong đó

BGH: 3/3 đều đạt trình độ chuyên môn trên chuẩn (Đại học) tỉ lệ 100%. 1 Hiệu trưởng đạt trình độ Thạc sĩ QLGD:

Hiệu trưởng: 01 Phụ trách chung

Phó hiệu trưởng: 02 (01phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng, 01phụ trách chăm sóc giáo dục)

Giáo viên: 35 giáo viên/17 nhóm, lớp

- Đạt chuẩn và trên chuẩn: 34/36, Tỉ lệ 94,44%; Trong đó: Trên chuẩn: 25/36 (đại học) tỉ lệ 69,44%, đạt chuẩn: 9/36 (cao đẳng) tỉ lệ 25%, chưa đạt 2/36 (trung cấp) tỉ lệ: 5.5%. (1 cô biệt phái ra PGD 1 năm, 1 cô nghỉ luân từ ngày 1/10/2024)

- Đang tham gia các lớp nâng cao trình độ CMNV: 02 (ĐH 02: Cô Phương, cô Thuyền)

- Tổng số trẻ: 530 trẻ. Nhà trẻ: 37 trẻ; khối mầm: 129 trẻ; khối chồi: 169 trẻ. Khối lá: 195 trẻ.

- Có 100% phòng học được trang bị đàn, máy vi tính, phần mềm, kết nối Internet, đồ dùng đồ chơi đầy đủ theo quy định.

1. Thuận lợi:

- Cơ sở vật chất đáp ứng quy mô trường lớp, sân chơi rộng, được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi phục vụ công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo quy định.

- Đội ngũ giáo viên có ý thức tốt trong công tác chăm sóc - nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, có tinh thần trách nhiệm trong công việc.

- Giáo viên năng nổ nhiệt tình trong công tác. Có trên 80% giáo viên là giáo viên dạy giỏi cấp cơ sở nhiều năm liền.

2. Khó khăn:

- Một số giáo viên lớn tuổi việc ứng dụng công nghệ thông tin gặp khó khăn trong việc thực hiện các phần mềm tổ chức hoạt động cho trẻ.

B. PHẦN II: MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC:

I. MỤC TIÊU GIÁO DỤC:

❖ NHÀ TRẺ (24-36 THÁNG TUỔI)

1. Phát triển thể chất:

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

2. Phát triển nhận thức:

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc

3. Phát triển ngôn ngữ:

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.

4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ:

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thể hiện được một số qui định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình, thích nghe đọc thơ, kể chuyện....

❖ MẪU GIÁO

1. Phát triển thể chất:

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: Nhạy nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

2. Phát triển nhận thức:

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

3. Phát triển ngôn ngữ:

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội:

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

5. Phát triển thẩm mỹ:

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật, có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp

II. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC CỤ THỂ:

❖ NHÀ TRẺ (24-36 THÁNG TUỔI)

LĨNH VỰC	STT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC	NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	1	- Trẻ biết tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp theo nhịp.	* Thực hiện các động tác thể dục sáng: - Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía

		trước, nghiêng người sang 2 bên, vận người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
2	- Trẻ biết các vận động cơ bản: Bò, trườn qua vật cản, bò chui qua cổng, bò thẳng hướng có mang vật trên lưng dài khoảng 2,5m đến 4m, rộng từ 25cm đến 30cm. Kết hợp tay chân, mắt nhịp nhàng.	* Tập bò, trườn: - Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. - Bò chui qua cổng. - Bò, trườn qua vật cản.
3	- Trẻ biết đi theo hiệu lệnh vật chuẩn, đi trong đường hẹp có 2 đường thẳng song song, đi theo đường ngoằn ngoèo dài 3m -4m, rộng 25 – 30cm đi đều bước, đi đều bước có cầm vật.	* Tập đi, chạy: - Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp. - Đi có mang vật trên tay. - Đi theo đường ngoằn ngoèo. - Đi trong đường hẹp có mang vật trên tay. - Đi bước qua gậy kê cao 5cm.
4	- Trẻ biết đứng co 1 chân và giữ thẳng bằng cơ thể trong khoảng 2 – 3 giây, cách mặt đất 10 đến 12cm.	- Trẻ đứng co 1 chân - Đứng co chân trái hoặc chân phải (mỗi bên 2 – 3 giây).
5	- Trẻ biết chạy theo hướng thẳng và đổi hướng	- Chạy theo tốc độ chậm, nhanh, chậm dần theo hiệu lệnh. - Chạy đổi hướng theo cô (2 – 3 hướng).
6	- Trẻ biết kết hợp tay chân nhịp nhàng, tư thế tự nhiên để nhún bật tại chỗ, bật qua vạch kẻ bằng hai chân về phía trước.	* Tập nhún bật: - Bật tại chỗ - Bật qua vạch kẻ.
7	- Biết tung, ném, bắt cùng cô. Phát triển sự phối hợp của mắt và tay	* Tập tung, ném, bắt: - Tung – bắt bóng cùng cô. - Tung bóng bằng hai tay qua dây (cao 80 – 100cm) - Ném bóng về phía trước (ném xa bằng 1 tay). - Ném bóng vào đích (đích xa 70 - 100cm)
	- Phát triển các cơ nhỏ của đôi bàn tay thông qua các	- Xâu được các đồ vật, đồ chơi, con vật, các loại hoa, quả, rau và phương tiện giao thông

8	hoạt động làm quen với đất nặn, xếp hình, tô màu, xâu hạt	vào dây thành vòng. - Dùng bàn tay và các ngón tay để làm quen với đất, nhào, ngắt, gộp, lăn dài, vo tròn, ấn dẹp. - Xếp được các hình cơ bản: xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách hàng rào, cái nhà, cái cổng, đường đi, bộ bàn ghế, cái giường. - Cách cầm viết vẽ lên giấy, trên sàn, ngoài sân, sử dụng các ngón tay để in màu, di màu, vẽ.
9	- Nhanh nhẹn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động, vận động theo nhạc, trò chơi dân gian.	- Luyện tập cho trẻ tính nhanh nhẹn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động, vận động theo nhạc, trò chơi dân gian theo chủ đề.
10	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định	- Có nề nếp khi lau mặt, rửa tay - Đi vệ sinh đúng nơi qui định - Biết gọi cô khi có mũi, khi bị ướt, bẩn - Khi ho, ngáp biết lấy tay che miệng.
11	- Có một số thói quen tốt giữ cơ thể sạch sẽ.	- Thói quen lau mặt, rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, khi bị bẩn - Không ngâm tay vào miệng. - Thói quen tắm rửa hàng ngày.
12	- Biết sử dụng đồ dùng cá nhân của mình.	- Lấy và sử dụng đúng đồ dùng cá nhân theo ký hiệu: ca uống nước, khăn lau mặt.
13	- Thực hiện được một số việc tự phục vụ đơn giản.	- Dọn chén, muỗng, ly sau khi ăn, uống - Lấy cất đồ chơi, đồ dùng đúng qui định trước và sau khi chơi. - Bỏ rác đúng nơi qui định
14	- Trẻ ăn hết suất và biết cách ăn một số thức ăn mới.	- Nhận biết được các món ăn hàng ngày, biết cách ăn bánh mì, các loại rau, thịt, các thực phẩm được chế biến từ các nguồn thực phẩm gần gũi.
15	- Biết giữ gìn sức khỏe, không nghịch phá. Nhận	- Nhận biết được những nơi nguy hiểm. - Không trèo cây, leo trèo chạy nhanh.

		biết những nơi nguy hiểm	- Không chơi ở lòng đường xe chạy - Không chơi ở gần sông, ao hồ, khi đi thuyền, tàu phải ngồi ngay ngắn.
	16	- Không chơi những nơi nguy hiểm.	- Không chơi ở những nơi nguy hiểm: bếp, lan can, cầu thang. - Không nghịch phá các con vật và không lại gần các con thú dữ, không chọc phá chúng. - Không chơi ở gần đường sắt, khi tham gia trên các phương tiện giao thông phải ngồi ngay ngắn
PHÁT TRIỂN NHÂN THỨC	17	- Trẻ biết một số bộ phận của cơ thể con người	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
	18	- Trẻ biết về bản thân và những người gần gũi.	- Tên gọi và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Đồ dùng đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp.
	19	- Luyện tập và phối hợp các giác quan: Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi...đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng-mềm, trơn-xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt- mặn-chua)
	20	- Trẻ biết về tên trường, tên lớp. Các hoạt động trong ngày ở lớp.	- Tên trường, tên lớp, một số hoạt động trong trường mầm non.
	21	- Trẻ biết tên gọi, cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
	22	- Trẻ nhận biết một số màu cơ bản, kích thước, hình	- Màu đỏ, vàng, xanh.

		dạng, số lượng, vị trí trong không gian.	- Kích thước to-nhỏ. - Hình tròn-hình vuông. - Vị trí trong không gian (trên -dưới, trước-sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng một-nhiều.
23		- Trẻ nhận biết được vị trí trong không gian.	- Vị trí trong không gian (trên -dưới, trước-sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng một-nhiều.
24		- Diễn đạt được hiểu biết bằng những câu nói đơn giản	- Biết diễn đạt sự hiểu biết của mình về sự vật, hiện tượng xung quanh.
25		- Trẻ nhận biết, chỉ và nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, môi trường sống của các con vật nuôi trong gia đình, các con thú sống trong rừng.	- Tên gọi, đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật nuôi trong gia đình: gà, vịt, chó, mèo, bò, thỏ, lợn - Tên gọi, đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật sống trong rừng: gấu, voi, hổ, khỉ, hổ
26		- Trẻ nhận biết, chỉ và nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, môi trường sống của các con vật sống dưới nước và các con vật có cánh biết bay.	- Tên gọi, đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật sống dưới nước: cá, tôm, cua, ốc - Tên gọi, đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật có cánh biết bay: chim, ong, bướm ...
27		- Trẻ nhận biết và phân biệt được kích thước và màu sắc của các con vật	- Chọn đúng kích thước to – nhỏ, màu sắc xanh, đỏ, vàng của các con vật
28		- Trẻ nhận biết được các con thú dữ, không lại gần	- Nhận biết các con vật nguy hiểm để tránh xa, những con vật có ích,

		và không chọc phá chúng	con vật có hại.
29	- Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm, các bộ phận của một số loại hoa, quả, rau củ gần gũi với trẻ	- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, mùi hương, môi trường sống của các loại hoa, hoa ngày tết: hoa hồng, hoa mai, hoa đào, hoa đào, hoa sen, lay ơn, đồng tiền... - Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, mùi vị, môi trường sống của các loại quả: bưởi, hồng, nho. cam, dưa hấu, mận, đu đủ... - Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, hình dạng, kích thước, dinh dưỡng của một số loại rau, củ: rau cải, rau muống, cà chua, cà rốt, củ cải, quả đậu, rau dền, rau ngót...	
30	- Trẻ nhận biết và phân biệt đúng một số loại hoa, quả, rau củ: đặc điểm, môi trường sống, lợi ích...	- Nhận biết, chỉ và gọi đúng tên, đặc điểm các bộ phận, màu sắc, mùi hương, môi trường sống của các loại hoa, hoa đặc trưng ngày tết, các loại quả, rau củ quen thuộc. - Nhận biết được các loại hoa có gai, có mủ độc - Nhận biết được các loại quả không ăn được - Nhận biết được các loại rau không ăn được	
31	- Trẻ nhận biết và phân biệt đúng, gọi đúng tên màu sắc, kích thước của các loại hoa, quả, rau	- Màu sắc của các loại hoa, quả và các loại rau củ	
32	- Trẻ biết tên gọi của một số phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy, đường không	- Tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, kích thước, màu sắc của các loại xe: xe đạp, xe máy, xích lô, xe buýt, xe tải, xe con... - Tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện: thuyền, tàu thủy, ghe... - Tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện: máy bay, tàu hỏa...	
33	- Trẻ biết một số luật lệ	- Đèn xanh xe chạy, đèn vàng chạy	

		giao thông đơn giản.	chậm, đèn đỏ là chạy. - Vạch giành cho người đi bộ
	34	- Trẻ nhận biết một số phương tiện giao thông quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. - Trẻ nhận biết và phân biệt được kích thước, hình dạng, cấu tạo và màu sắc của 1 số phương tiện giao thông đường bộ.
	35	- Trẻ biết đặc điểm đặc trưng của mùa hè và một số hoạt động của lớp mẫu giáo	- Nhận biết và phân biệt tên gọi, đặc điểm đặc trưng của mùa hè và biết một số hoạt động ở lớp mẫu giáo - Đặc điểm đặc trưng của mùa hè và một số hoạt động của lớp mẫu giáo - Biết mùa hè nóng nực ra đường bé biết đội nón, khi mưa biết mặc áo mưa. Biết thực hiện một số luật giao thông đơn giản
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	36	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.	
	37	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.	
	38	- Trẻ biết nghe và thực hiện theo yêu cầu của cô.	- nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các câu hỏi: cái gì? Làm gì? để làm gì? ở đâu? Như thế nào? - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.
	39	- Trẻ biết sử dụng một số từ quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.
	40	- Biết diễn đạt câu đơn 3 -4 từ.	- Nói trọn câu 3 -4 từ. - Phát âm các âm khác nhau. - Diễn đạt được bằng lời nói các yêu cầu đơn giản. - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì? Làm gì? để làm gì? ở đâu? Như thế nào?
	41	- Trẻ biết đọc thơ, ca dao, hát các bài về chủ đề biết kể chuyện cùng cô.	- Các bài thơ, bài đồng dao, kể chuyện, hát các bài về gia đình, đồ dùng, đồ chơi và trường lớp mầm non
	42	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, môi	- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, lợi ích của các con vật nuôi trong gia

	trường sống của các con vật.	đỉnh, các con thú sống trong rừng, các con vật sống dưới nước và các con vật có cánh biết bay
43	- Trẻ biết diễn đạt câu ngắn, câu dài.	- Trả lời các câu hỏi của cô, nói trọn câu. - Phát âm đúng, rõ lời - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1,2 câu đơn giản và câu dài, kết hợp với cử chỉ.
44	- Trẻ đọc thuộc cả bài thơ, hát thuộc bài hát,	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3,4 tiếng. - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
45	- Biết kể chuyện theo cô, biết trả lời các câu hỏi của cô.	- Kể lại các đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. - Biết trả lời các câu hỏi của cô, trọn câu
46	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, lợi ích của một số hoa, quả,	- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, mùi hương, môi trường sống của các loại hoa, hoa đặc trưng ngày tết. - Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, mùi vị, môi trường sống của các loại quả: bưởi, hồng, nho. cam, dưa hấu, mận, đu đủ...
47	- Nói tên các loại rau, củ mà trẻ biết	- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, hình dạng, kích thước, dinh dưỡng của một số loại rau, củ: rau cải, rau muống, cà chua, cà rốt, củ cải, quả đậu, rau dền, rau ngót...
48	- Biết diễn đạt câu ngắn 5 - 6 từ, trả lời trọn câu, trả lời được các câu hỏi của cô, phát âm rõ.	- Trả lời các câu hỏi của cô, trọn câu về tên gọi, đặc điểm của các loại hoa, quả, rau củ.
49	- Trẻ biết làm quen với sách qua sự hướng dẫn của cô.	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
50	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các

		điểm, cấu tạo của các phương tiện giao thông.	bộ phận, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện tàu hỏa, máy bay... - Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện thuyền, tàu thủy, ghe... - Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, kích thước, màu sắc của các loại xe: xe đạp, xe máy, xích lô, xe buýt, xe tải, xe con...
	51	- Biết được luật giao thông	- Ngồi trên xe máy phải đội mũ bảo hiểm. Khi đi ô tô không được thò tay, thò đầu ra ngoài cửa sổ xe đang chạy.
	52	- Biết diễn đạt trọn câu đơn 5 -6 từ, trả lời trọn câu, đủ nghĩa các câu hỏi của cô.	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm của mùa hè, lớp mẫu giáo ...
	53	- Trẻ đọc thuộc thơ, bài ca dao, thuộc các bài hát ngắn,	- Đọc được các bài thơ, hát được bài hát và kể được chuyện theo tranh, biết minh họa động tác theo nội dung chuyện
	54	- Nắm được nội dung chuyện và biết kể lại.	- Trẻ đọc thuộc cả bài thơ, hát thuộc bài hát, biết kể chuyện theo cô, biết trả lời các câu hỏi của cô. Nói trọn câu 5 - 6 từ, đủ nghĩa.
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KĨ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ	55	- Cháu biết yêu thương kính trọng, vâng lời ba mẹ, người thân, các cô, các bác trong trường. Biết tự tin trong giao tiếp.	- Cháu thể hiện lễ giáo qua các hoạt động hàng ngày. - Yêu thương, kính trọng, lễ phép với mọi người. - Chủ động chào khách khi có khách đến lớp, mạnh dạn trả lời các câu hỏi
	56	- Trẻ biết ý thức về bản thân	- Không nghịch của bạn, đi học không khóc nhè, không đánh cắn bạn. - Nhận biết một số đặc điểm bên ngoài bản thân. - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.

		- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.
57	- Biết thể hiện mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.	- Chơi xong cất đúng nơi qui định. Không đập phá đồ dùng đồ chơi. Không tranh giành đồ chơi với bạn. - Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi. - Quan tâm đến các vật nuôi.
58	- Biết chào hỏi người lớn khi đến lớp, ra về, biết thực hiện một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	- Thực hiện tốt các mặt lễ giáo: chào hỏi khi đến lớp và ra về.
59	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.
60	Trẻ biết một số hành vi văn hóa giao tiếp đơn giản.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”, chơi cạnh bạn, không cầu bạn.
61	- Biết được nội quy	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm/lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định, biết cất nệm gối sau ngủ dậy.
62	- Làm quen với bài hát và các động tác vận động theo nhạc, làm quen với đất nặn, cách cầm bút phấn	- Thực hiện được các yêu cầu của cô khéo léo: xâu hoa, xếp hình, nặn, tô màu, xé dán... - Cháu tô màu và xé dán các loại xe khéo léo, biết tạo ra các sản phẩm từ đất nặn
63	- Cháu không chọc phá vật nuôi, nhắc ba mẹ chăm sóc chúng, không lại gần và chọc phá thú dữ và chó mèo lạ	- Biết yêu quý vật nuôi, không chọc phá chúng
64	- Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và vận động đơn giản theo nhạc.
65	- Trẻ biết vẽ, nặn, xé dán,	- Thực hiện được các yêu cầu của

		xếp hình, xem tranh. - Không nghịch của bạn, chơi xong cất đúng qui định.	cô: vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh. - Giữ gìn sản phẩm, không tranh giành đồ chơi với bạn
	66	- Cháu biết bảo vệ, chăm sóc hoa và cây, con vật, không ngắt hái hoa bẻ cành, không hái quả non, không chọc phá con vật.	- Biết thể hiện tình cảm của mình với môi trường xung quanh: không ngắt hái hoa bẻ cành, không hái quả non, không chọc phá con vật.
	67	- Không xả rác, biết bỏ rác đúng nơi qui định	- Rèn luyện thói quen, hành vi không xả rác, bỏ rác đúng nơi quy định.
	68	- Biết tạo ra sản phẩm từ hoa và cây	- Thực hiện được các yêu cầu của cô khéo léo: khâu quả, xếp hình, nặn, tô màu, xé dán...
	69	- Cháu biết thực hiện một số luật lệ giao thông đơn giản, không chơi ở lòng đường, khi được ngồi trên các phương tiện giao thông, không đùa nghịch.	- Không chơi ở lòng đường xe chạy, không đùa nghịch trên xe. Khi đi xe máy phải đội nón bảo hiểm. Trẻ biết thực hiện 1 số luật giao thông đơn giản

❖ MẪU GIÁO

➤ KHỐI MẦM (3-4 TUỔI)

LĨNH VỰC	STT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC	NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	1	Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp (thở 1, tay vai 2, bụng lườn 1, chân 3, bật 1).	-Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.
	2	Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m).	- Đi trong đường ngoằn ngoèo (3m x 0,2m). - Đi bước dồn ngang 2m - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát. - Đi thẳng bằng trên ghế thể dục, đầu đội túi cát.
	3	Đi kiễng gót liên tục 3m.	- Đi kiễng gót theo đường dích dắc. - Đi kiễng gót liên tục 3m tay cầm túi cát.
	4	Đi/ Chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.	- Chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy nhanh 10 m.

			- Chạy chậm - Đi, chạy theo đoàn tàu - Đi, chạy làm theo người dẫn đầu.
5	Chạy liên tục trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.		- Chạy liên tục trong đường đích dắc (4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài - Chạy đích dắc qua 3 chướng ngại vật
6	Phối hợp tay – mắt trong vận động.		- Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). - Tung bóng lên cao bằng 2 tay và bắt bóng. - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). - Tung và đập bóng tại chỗ - Tự đập bóng bắt được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm)
7	Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).		- Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. - Chuyển bóng qua đầu. - Chuyển bóng qua chân - Tung và đập bóng tại chỗ - Tung bắt bóng bằng 2 tay cho bạn
8	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo và phối hợp giữa các chi, rèn luyện sức khỏe dẻo dai cho trẻ.		- Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. - Chạy chậm 15 m. - Chạy theo tốc độ vừa sức. - Chạy nhanh 10 - 15m - Chạy chậm 60 - 80m
9	Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m).		- Ném xa bằng một tay (thi xem ai ném xa nhất). - Ném xa bằng 2 tay - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m).
10	Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.		- Bò chui dưới dây. - Bò chui qua cổng - Bò theo hướng thẳng - Bò theo hướng đích dắc
11	Xoay tròn cổ tay. Gập, đan ngón tay vào nhau.		Trẻ biết tập các động tác khởi động khi tập thể dục sáng, thể dục giờ học.
12	Vẽ được hình tròn theo mẫu. Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. Xếp chồng 8 – 10 khối không đổ. Tự cài, cởi cúc.		Trẻ biết vẽ, cắt dán, xếp chồng các khối, tự cởi cúc áo.
13	Bật tiến về phía trước		-Trẻ biết chùng chân, khuỵu gối để bật tiến về phía trước.
14	Bật tại chỗ theo trò chơi		- Trẻ biết thực hiện vận động bật tại chỗ

		“Nhảy cao như bóng nảy”	theo trò chơi "Nhảy cao như bóng nảy"
15		Bật liên tục qua 5 ô vuông.	-Bật qua dây -Bật sâu 15 cm. - Bật liên tục qua 5 ô vuông. -Bật xa 20 – 25cm -Bật liên tục qua 5 ô vuông, ném xa bằng 1 tay (QH)
16		Trườn theo hướng thẳng Trườn về phía trước Trườn sấp	-Trẻ biết cách trườn theo hướng thẳng. -Trẻ biết phối hợp tay chân để trườn về phía trước. -Trẻ biết cách trườn sấp theo sự hướng dẫn của cô.
17		Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	- Nhận biết được 4 nhóm thực phẩm cần thiết cho sức khỏe bản thân.
18		Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ chất - Ích lợi của việc ăn uống đủ chất với sức khỏe. Sử dụng nước khi cần và vừa phải. - Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh
19		Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	Biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.
20		Rửa tay, lau mặt, súc miệng. Tháo tất, cởi quần, áo...	Trẻ biết thực hiện các thao tác vệ sinh theo sự hướng dẫn của cô.
21		Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Cháu có kỹ năng cầm thìa, cốc, bát đúng cách.
22		Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	- Biết ăn uống vừa phải, không rơi vãi và để thừa thức ăn.
23		Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.	- Trẻ có thói quen tốt về vệ sinh cá nhân, đi vệ sinh đúng nơi quy định.... biết giữ gìn vệ sinh cá nhân. - Làm một số việc tự phục vụ bản thân trong sinh hoạt hàng ngày như: đi dép, giày.
24		Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	- Một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ: Bạn té, đánh bạn, chảy máu, cháy,....
25		Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.	Biết tránh xa các vật nóng, nguy hiểm như bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.

		nóng...) khi được nhắc nhở.	
	26	Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.	- Trẻ nhận ra những nơi nguy hiểm như: hồ, ao, suối, bể chứa nước,....
	27	Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... Không tự lấy thuốc uống.	- Có hành vi văn minh lịch sự khi ăn uống - Trẻ biết bỏ hạt khi ăn một số loại quả như: dưa hấu, măng cầu, nhãn, chôm chôm, cam, quýt v.v..... uống thuốc khi được phép của người lớn.
	28	Không leo trèo bàn ghế, lan can. Không nghịch các vật sắc nhọn. Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	Trẻ nhận biết được những hành vi nguy hiểm cho bản thân.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	29	Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.
	30	Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
	31	Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây - Một số đặc điểm, tính chất của nước.
	32	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.
	33	Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- So sánh sự giống-khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự giống-khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi.
	34	Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Trẻ nhận biết được một số đặc điểm nổi bật của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Trẻ thích đặt câu hỏi trong các giờ hoạt động tìm hiểu, khám phá, thử nghiệm, quan sát...
	35	Mô tả những dấu hiệu nổi bật	- Đặc điểm, công dụng của một số

		của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu.
36		Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vệt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	Nhận biết số lượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng..
37		Đếm trên các đối tượng giống nhau, khác nhau và đếm đến 5.	Đếm trên các đối tượng giống nhau, khác nhau và đếm đến 5.
38		So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5
39		Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại trong phạm vi 5
40		Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm
41		Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Nhận ra qui tắc sắp xếp theo mẫu và sao chép lại. - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi - Xếp xen kẽ
42		So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	So sánh hai đối tượng về kích thước: to - nhỏ; dài - ngắn; cao - thấp; rộng- hẹp, bằng nhau.
43		Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	- Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật. - Nhận biết các đồ vật có chung hình dạng. - So sánh sự khác, giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật, hình tròn.
44		Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân. - Xác định vị trí phía trái, phía phải so với bản thân trẻ.
45		Nói được tên, tuổi, giới tính	- Trẻ biết họ và tên, tuổi, giới tính, đặc

		của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	điểm, sở thích của bản thân.
	46	Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Trẻ biết họ và tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Biết được công việc của bố mẹ, số điện thoại của bố mẹ.
	47	Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	Trẻ biết địa chỉ (số nhà, phường đang ở) của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.
	48	Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Trẻ biết tên, địa chỉ trường/lớp, biết tên cô giáo, tên bạn, tên đồ chơi, đồ dùng trong lớp. - Biết tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp. - Biết các hoạt động của trẻ ở trường.
	49	Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	- Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... - Trẻ biết được công dụng của các dụng cụ và lựa chọn dụng cụ đúng với ngành nghề.
	50	Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh	- Trẻ biết tên các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. - Biết được đặc điểm, đặc trưng của ngày Tết trung thu: lồng đèn, bánh trung thu, chị Hằng, chú Cuội...
	51	Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	Trẻ biết tên một vài danh lam, thắng cảnh, một vài di tích lịch sử, ngày hội ở địa phương.
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	52	Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	-Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”. - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.
	53	Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.	- Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả... - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm
	54	Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	Trẻ chú ý nghe và trả lời to rõ, đúng nội dung câu hỏi.
	55	Nói rõ các tiếng	- Nói rõ các tiếng. Phát âm rõ các chữ cái tiếng việt. - Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu và hoàn cảnh giao tiếp.
	56	Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Trẻ trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai?”,

		“Cái gì?”, “Khi nào?”, “Để làm gì?”, “Đang làm gì?”,....
57	Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Trẻ biết dùng lời nói để giao tiếp, trò chuyện cùng các bạn. - Trẻ biết bày tỏ hiểu biết của bản thân bằng lời nói bằng các câu đơn, câu ghép để các bạn trong nhóm chơi hiểu.
58	Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..	Trẻ nhớ được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..
59	Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao... phù hợp với độ tuổi.
60	Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn
61	Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Kể lại chuyện theo trí nhớ - Nhớ và bắt chước lời thoại của nhân vật trong truyện - Phát triển khả năng sáng tạo của bé trong cách diễn đạt bằng ngôn ngữ mô phỏng các con vật, đóng kịch, kể chuyện.
62	Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa,... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa,... trong giao tiếp. - Biết tự giác nói lời xin lỗi khi có lỗi - Biết chào hỏi người lớn to, rõ, mạnh dạn trong giao tiếp với bạn bè và mọi người.
63	Chọn sách để xem. Cầm sách đúng chiều, mở sách xem tranh và “đọc” truyện.	- Xem và nghe “đọc” các loại sách khác nhau. - Lật từng trang, không làm nhăn sách, không bỏ sót trang. - Phân biệt phần mở đầu và kết thúc của sách. - Giữ gìn sách cẩn thận
64	Nói đủ nghe, không nói lý nhí.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. - Điều chỉnh giọng nói vừa đủ nghe.
65	Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	Thích nghe kể chuyện, đọc sách. Biết lật từng trang sách xem tranh.
66	Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh	- Nghe các bài thơ, truyện tranh, nhìn vào tranh và gọi đúng tên nhân vật trong tranh.
67	Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	Nhận ra chữ cái trong bảng chữ cái

			tiếng Việt
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM XÃ HỘI	68	Thể hiện ý thức về bản thân	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.
	69	Nói được điều bé thích, không thích.	Trẻ mạnh dạn nói lên những điều bé thích, không thích
	70	Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...)	Thu dọn sau khi chơi xong, trực nhật (lau bàn ghế, đồ chơi phụ giúp cô)
	71	Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.
	72	Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.
	73	Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi.
	74	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	Kính yêu Bác Hồ.
	75	Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	Kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.
	76	Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, Trật tự khi ăn, khi ngủ,..) - Vâng lời bố mẹ, cô giáo, thu dọn đồ chơi sau khi chơi. - Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình. - Phân biệt hành vi “đúng” – “sai”, “tốt” – “xấu”.
	77	Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở... - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
	78	Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	Trẻ biết chú ý lắng nghe khi cô và bạn nói. Trẻ biết lắng nghe, biết hỏi và trao đổi vấn đề cùng người khác.
	79	Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ. - Phối hợp, thỏa thuận với bạn khi chơi, làm nhiệm vụ. - Chơi hòa đồng với các bạn.
	80	Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối. - Biết được cây cối, con vật cần được chăm sóc để lớn lên. - Thích được tham gia chăm sóc cây cối

			như: nhặt lá vàng, tưới cây, lau lá,...
	81	Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	82	Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	Cảm nhận được giai điệu của bài hát quen thuộc. Yêu thích sản phẩm của mình và của bạn
	83	Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện	Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc quen thuộc. Chú ý nghe, thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, kể câu chuyện
	84	Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	Nhận xét sản phẩm của mình và của bạn.
	85	Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi (nhạc thiếu nhi, dân ca)
	86	Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa). - Vận động minh họa theo bài hát có trong chương trình học.
	87	Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	Trẻ biết sử dụng đa dạng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.
	88	Cắt, xé dán thành sản phẩm có màu sắc và bố cục.	Trẻ biết cách dán thành bức tranh có màu sắc và bố cục cân đối.
	89	Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.
	90	Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản
	91	Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	Nặn các con vật, hoa quả, đồ vật...quen thuộc, đơn giản.
	92	Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	Trẻ sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo thành ra các sản phẩm theo chủ đề.
	93	Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	Trẻ biết quan sát nhìn xem các sản phẩm và nhận xét theo ý kiến của mình.
	94	Vận động theo ý thích các bài	- Vận động theo ý thích các bài hát, bản

		hát, bản nhạc quen thuộc.	nhạc quen thuộc. - Đặt tên cho vận động theo ý thích của bé.
	95	Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Vẽ, tô màu, xé dán, nặn một số con vật, hoa quả, đồ vật đơn giản theo ý thích.

➤ **KHỐI CHƠI (4-5 TUỔI)**

LĨNH VỰC	SỐ THỨ TỰ	MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC	NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	1	- Biết bắt đầu và kết thúc động tác bài tập thể dục buổi sáng đúng nhịp.	- Thực hiện các động tác đúng, đầy đủ, nhịp nhàng.
	2	- Phát triển sự phối hợp vận động của các bộ phận cơ thể, vận động nhịp nhàng với bạn, điều chỉnh hoạt động theo tín hiệu.	- Chạy chậm 80 m. - Chạy 15m trong khoảng 10 giây. - Đi ngang bước dòn theo trò chơi “Chọn quả”.
	3	- Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.	- Đi liên tục trên ghế thể dục. - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bằng gót chân.
	4	- Giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện các vận động.	- Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m. - Đi khuyu gối. - Đi trên ghế băng đầu đội túi cát.
	5	Kiểm soát được vận động: - Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt đích dắc).	- Chạy đích dắc qua 3-4 chướng ngại vật. - Chạy theo đường thẳng.
	6	- Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. - Bò đích dắc qua 5 điểm. - Bò chui qua cổng - Bò bằng bàn tay và cẳng chân theo trò chơi “Gấu và người thợ săn” - Bò chui qua ống dài 1,2m x 0,6m.
	7	- Trẻ phát triển vận động trườn về phía trước.	- Trườn theo hướng thẳng
	8	- Luyện tập cho trẻ tính mạnh dạn, khéo léo khi trèo lên xuống thang.	- Trèo lên, xuống 5 gióng thang. - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.
	9	Phối hợp tay- mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Tự đập bắt bóng được 4 - 5	- Tung bắt bóng với người đối diện - Tung bóng lên cao và bắt - Chuyển bóng qua đầu, qua chân - Tự đập và bắt bóng 4-5 lần liên tiếp. - Đập và bắt bóng tại chỗ.

		lần liên tiếp.	
10		- Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m).	- Ném xa bằng một tay (thi xem ai ném xa nhất. - Ném xa bằng 2 tay - Chạy ném trúng đích nằm ngang (xa 2 m) - Ném trúng đích thẳng đứng.
11		- Biết phối hợp vận động các giác quan. Bật liên tục qua 5 ô vuông.	- Bật liên tục qua 5 ô vuông. - Bật liên tục về phía trước - Bật qua vật cản 10-15cm. - Bật tách chân- khép chân qua 5 ô.
12		- Phát triển sự phối hợp vận động của các bộ phận của cơ thể.	- Bật sâu 15 cm. - Bật qua dây - Nhảy lò cò 3m.
13		-Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Chạy – ném xa bằng 1 tay.
14		- Thực hiện được các vận động: + Cuộn - xoay tròn cổ tay. + Gập, mở, các ngón tay.	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vè, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi... - Gập giấy. - Lắp ghép hình.
15		-Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động	- Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.
16		-Phối hợp tay -mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.	- Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.
17		- Nhận biết 1 số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).
18		- Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.
19		-Biết một số thực phẩm cùng nhóm: + Thịt, cá ,... có nhiều chất đạm.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.

		+ Rau, quả chín có nhiều vitamin.	
	20	- Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - Một số biểu hiện khi ốm: Nóng, đau đầu, đau bụng, ói... và cách phòng tránh đơn giản
	21	- Biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	- Một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ: Bạn té, đánh bạn, chảy máu, cháy,....
	22	- Tập tự phục vụ trong sinh hoạt hàng ngày tại trường: cháu biết rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh + Trẻ biết tập và rèn kỹ năng rửa tay, lau mặt bằng khăn ướt	- Trẻ có kỹ năng rửa tay, lau mặt bằng khăn ướt, tự làm một số công việc tại trường. +Tập thói quen rửa tay bằng xà phòng. +Tập luyện thao tác rửa tay đúng cách theo 6 bước. + Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn.
	23	- Trẻ có thói quen tốt trong việc giữ gìn vệ sinh cá nhân vệ sinh môi trường môi trường sạch sẽ.	- Trẻ rèn luyện thói quen tốt về vệ sinh cá nhân, đi vệ sinh đúng nơi quy định.... biết giữ gìn vệ sinh môi trường. - Làm một số việc tự phục vụ bản thân trong sinh hoạt hàng ngày như: tự mặc, cởi quần áo
	24	- Biết mặc trang phục phù hợp thời tiết.	- Trẻ biết mặc quần áo ấm khi trời lạnh, biết mặc quần áo mát khi trời nóng nực, trời mưa biết mặc áo mưa, đội nón, che dù khi trời nắng.
	25	- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.	- Trẻ nhận ra những nơi nguy hiểm như: hồ, ao, suối, bể chứa nước,....
	26	- Trẻ có kỹ năng ăn uống các loại trái cây	- Trẻ biết rửa sạch, bỏ hạt khi ăn một số loại quả như: dưa hấu, măng cầu, nhãn, chôm chôm, cam, quýt v.v.....như bỏ hạt, rửa sạch, không dùng dao để xắt trái cây mà phải nhờ người lớn giúp.
	27	- Trẻ biết giữ gìn vệ sinh thực phẩm khi ăn, không ăn thực phẩm ôi thiu, nấm mốc.v.v...	- Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.
PHÁT TRIỂN	28	Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.	Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.

NHÂN THỨC	29	- Quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về sự thay đổi của sự vật, hiện tượng: "vì sao cây lại héo?", "vì sao lá cây bị ướn?"	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.
	30	- Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi
	31	- Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/ muối vào nước, dự đoán, qua sát, so sánh.	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây - Một số đặc điểm, tính chất của nước.
	32	- Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	- So sánh sự giống-khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự giống-khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi.
	33	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Nhận biết sự khác nhau giữa ngày và đêm.
	34	- Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu.
	35	- Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: "Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn"	- Biết tên gọi các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây.
	36	- Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm - ích lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương
	37	- Nói tên, địa chỉ của trường, lớp và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ, tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường - Tên, địa chỉ của trường, lớp.
	38	- Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công	- Tên, công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.

	nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	
39	- Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
40	- Trẻ nói được địa chỉ, số điện thoại của gia đình mình.	- Một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ của gia đình. (số nhà, đường phố, thôn, xóm) khi được hỏi và trò chuyện.
41	- Nói họ, tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.
42	- Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội	- Ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.
43	- Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh.
44	- Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật xung quanh, hỏi: "bao nhiêu?", "là số mấy?"...	Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...)
45	-Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	-Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
46	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng trong phạm vi 1,2,3,4,5
47	- Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng thành 1 nhóm trong phạm vi 5.
48	- Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm nhỏ hơn.	- Tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ và so sánh kết quả. Nói được từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
49	- Sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Số lượng và số thứ tự
50	- Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Nhận ra qui tắc sắp xếp theo mẫu và sao chép lại. - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi
51	- So sánh 2 đối tượng.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước.
52	- Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.
53	- Nhận biết hình dạng (tròn và	- So sánh sự khác - giống nhau của các

		tam giác, vuông và chữ nhật...)	hình: hình tam giác, hình tròn, hình vuông, hình chữ nhật.
	54	- Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
	55	- Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau, phía phải- phía trái). - Xác định được tay trái – tay phải của bản thân
	56	- Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối.
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	57	- Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu.
	58	- Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.
	59	- Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.
	60	- Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.
	61	- Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Trả lời và đặt các câu hỏi: " Ai ?", "cái gì ?", "ở đâu?", "khi nào ?", "để làm gì?"
	62	- Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, phủ định	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.
	63	- Kể lại sự việc theo trình tự	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.
	64	- Đọc thuộc bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè phù hợp độ tuổi
	65	- Kể chuyện có mở đầu, kết thúc	- Kể lại truyện đã được nghe
	66	- Trẻ biết kể lại sự việc có nhiều tình tiết	- Thực hành kể lại 1 sự việc nào đó qua gợi ý của cô giáo, người lớn với nhiều tình tiết
	67	- Trẻ mạnh dạn sử dụng một số từ mới và hiểu ý nghĩa của các từ đó. Phát âm đúng, không nói ngọng, mạnh dạn giao tiếp bằng lời với những người xung quanh.	- Quan sát, trò chuyện, nhận xét về sự vật hiện tượng bằng chính ngôn ngữ của trẻ 1 cách chính xác. - Phát âm các tiếng có chứa âm khó trong câu chuyện - Điều chỉnh giọng nói phù hợp với

			hoàn cảnh khi được nhắc nhở.
	68	- Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong chuyện.	- Đóng kịch.
	69	- Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép
	70	- Trẻ biết thể các từ thể hiện sự lịch sự, lễ phép trong giao tiếp với cô và các bạn.	- Trò chuyện, trao đổi lễ phép với cô giáo, các bạn và người lớn xung quanh - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép, lịch sự. (Mời cô, mời bạn cảm ơn, xin lỗi)
	71	- Chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Giữ gìn, bảo quản sách
	72	- Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- "Đọc" truyện qua các tranh vẽ
	73	- Cầm sách đúng chiều và lật từng trang để xem tranh ảnh. "Đọc" sách theo tranh minh họa ("đọc vẹt").	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
	74	- Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nguy hiểm...	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...).
	75	- Sử dụng kí hiệu để "viết": tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	- Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, đồ các nét chữ. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	76	- Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Nói được tên, tuổi, giới tính.
	77	- Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Nói được sở thích, khả năng của bản thân.
	78	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động và tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	- Mạnh dạn, tự tin tham gia chơi cùng bạn.
	79	- Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	- Thu dọn sau khi chơi xong, trực nhật (lau bàn ghế, đồ chơi phụ giúp cô)

	80	- Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh, câu chuyện	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
	81	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ,
	82	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát.	- Thuộc bài hát về Bác Hồ, hát đúng lời, đúng nhịp các bài hát về Bác Hồ.
	83	- Thích đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	-Thuộc bài thơ, câu chuyện về Bác Hồ
	84	- Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
	85	- Thực hiện được một số quy định ở lớp: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn.	- Một số quy định ở lớp và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường)
	86	-Biết vâng lời ông bà, bố mẹ.	- Phân biệt hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.
	87	- Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
	88	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe cô và bạn nói.
	89	- Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	- Chờ đến lượt, hợp tác.
	90	- Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).	- Quan tâm, giúp đỡ bạn, hợp tác với nhau để hoàn thành nhiệm vụ được giao.
	91	- Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.
	92	- Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường
	93	- Không bẻ cành, bứt hoa	- Chăm sóc cây, yêu quý thiên nhiên, cây cảnh.
	94	- Không để tràn nước khi rửa tay	- Biết vặn vòi nước vừa đủ khi sử dụng, không vun, vẩy nước ra sàn nhà. Biết tắt vòi nước khi không sử dụng.
	95	- Tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	-Biết nhắc nhở bạn, người thân tắt các thiết bị điện khi không sử dụng.
PHÁT TRIỂN THẨM	96	- Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện

MỸ		của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
	97	- Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc;	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (thích vỗ tay, hát múa theo nhịp điệu của bài hát).
	98	- Thích nghe và hát những bài hát theo chủ đề.	- Nghe và nhận ra giai điệu quen thuộc một số bài hát theo chủ đề.
	99	- Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
	100	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
	101	- Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu, tiết tấu của các bài hát, bản nhạc.
	102	- Thích nghe các loại nhạc khác nhau.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca)
	103	- Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với hình thức múa.	- Trẻ vận động múa nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.
	104	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.
	105	- Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục	- Sử dụng kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét.
	106	- Xé theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	- Sử dụng kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng.
	107	- Cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	- Sử dụng kỹ năng cắt dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng.
	108	- Làm lồi, dẹt, bẹt, bẻ, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết	- Sử dụng kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, hình dáng khác nhau.
	109	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc	- Sử dụng kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đẹp.

		khác nhau.	
110	- Thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp thiên nhiên	-Trẻ ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống, đồ dùng đồ chơi.	
111	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét.	
112	- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	
113	- Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp	- Vẻ đẹp trong vận động, trong tạo hình, âm nhạc....	
114	- Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn hình thức vận động để thể hiện bài hát cho sinh động	
115	- Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.	
116	- Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	
117	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Chỉ ra cái đẹp trong sản phẩm tạo hình của mình, của bạn.	
118	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	

1.1. Khối lá

LĨNH VỰC	STT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	1	- Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	+ Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp: tay, lưng, bụng, lườn, chân
	2	- Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	+ Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. + Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc. + Đi nổi bàn chân tiến, lùi. + Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích dắc theo hiệu lệnh. + Chạy 18m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm khoảng 100 - 120m.
	3	- Kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).	+ Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh + Bật xa tối thiểu 50cm + Nhảy xuống từ độ cao 40cm

			+ Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất
4	- Phối hợp tay - mắt trong vận động:		- Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung, đập bắt bóng tại chỗ. + Đi và đập bắt bóng. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay. + Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân.
5	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện các bài tập.		+ Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m). - Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu. + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên xuống 7 giống thang. + Bật liên tục vào vòng. + Bật xa 40 - 50cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm). + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô.
6	- Thực hiện được các vận động: + Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay. + Gập, mở lần lượt từng ngón tay.		+ Thể hiện linh hoạt uốn các ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay qua các động tác múa: hái đào, cuộn đèn, mời mỗ,...
7	- Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động		+ Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. + Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản + Xếp chồng 12 – 15 khối theo mẫu. + Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn
8	- Tô, đồ theo nét.		+ Thực hành tô màu trong các hình vẽ có sẵn, học cách điều khiển nét bút sao cho không bị lem ra ngoài đường viền.
9	- Phối hợp được cử động bàn tay Tự cởi và mặc được áo, khâu dây giày, cài quai dép, đóng mở phéc mơ tuya.		+ Cài khuy áo, mở khuy áo + Cài và mở quai giày + Mở và đóng dây kéo quần, dây kéo cặp, dây kéo áo khoác
10	- Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm		+ Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.
11	- Nói được tên một số thức ăn		+ + Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có

		cần có trong bữa ăn hàng ngày	thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...
12	- Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe	- + Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	
13	- Thực hiện được một số việc đơn giản, tự phục vụ trong sinh hoạt.	+ Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. + Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	
14	- Sử dụng đồ dùng ăn uống thành thạo.	+ Tập luyện kỹ năng: Dùng muỗng, đũa, nĩa, ly uống nước đúng cách và thành thạo trong bữa ăn	
15	- Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống	+ Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn + Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. + Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. + Không uống nước lạnh, ăn quà vặt ngoài đường.	
16	- Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh	+ Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn, trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. + Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp + Nói với người lớn khi bị đau, sốt, chảy máu.... + Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.	
17	- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm	+ Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.	
18	- Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm	+ Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.	
19	- Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh	+ Biết không được cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,.... + Biết không tự ý uống thuốc. + Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.	
20	- Nhận biết được một số	+ Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp	

		trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ	khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ... + Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân, khi bị đi lạc biết gọi người lớn giúp đỡ.
	21	- Biết tránh một số trường hợp không an toàn	+ Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.
	22	- Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn	+ Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. + Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.
	23	- Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm	+ Không leo trèo cây, ban công, tường rào...
	24	- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết.	+ Biết lựa chọn trang phục phù hợp với điều kiện thời tiết để bảo vệ sức khỏe: đi nắng đội mũ, đi vớ, mặc áo ấm khi trời lạnh.
	25	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.	+ Nhận diện các triệu chứng cơ bản của bệnh như sốt, ho, sổ mũi, đau họng, và đau bụng và thông báo ngay cho người lớn
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	<u>26</u>	- Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng	+ Quan sát, tìm hiểu và đặt câu hỏi về những gì xảy ra xung quanh + Đặt câu hỏi: “Tại sao trời có mưa”, “Sao nước lại bay hơi”,... + Theo dõi và so sánh sự phát triển của cây, cây lớn lên nhờ gì,..
	27	- Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng.	+ Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. + Sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả...
	28	- Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản	+ Sử dụng các công cụ học tập như kính lúp, thước đo, bình chứa nước,... để hỗ trợ việc khám phá.
	29	- Quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.	+ Quan sát, so sánh sự khác biệt và giống nhau giữa các sự vật hoặc hiện tượng, và đưa ra dự đoán dựa trên những gì trẻ đã quan sát được. + Thảo luận và nhận xét về những gì đã quan sát được

<u>30</u>	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau	+ Xem sách, tranh ảnh, video clip,... và tham gia vào các cuộc trò chuyện và thảo luận, trẻ nắm bắt thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, giúp phát triển khả năng phân tích và tổng hợp thông tin.
<u>31</u>	- Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	+ So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. + Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.
<u>32</u>	- Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng.	+ Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.
<u>33</u>	- Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	+ Tham gia vào các hoạt động thử nghiệm và thực hành để tìm ra các giải pháp khác nhau cho một vấn đề cụ thể.
34	- Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	+ So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả,...
35	- Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	+ Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. + Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
<u>36</u>	- Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	+ Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.
37	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	+ Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
38	- So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	+ So sánh số lượng của các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng nhiều cách để xác định nhiều hơn, ít hơn hoặc bằng nhau.
39	- Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	+ Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm
40	- Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	+ Tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm
41	- Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số	+ Nhận diện các số từ 5 đến 10 thông qua các thẻ số, hình ảnh, hoặc các trò

	lượng, số thứ tự.	chơi số học.
42	- Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày	+ Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).
43	- Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	+ Sắp xếp các đối tượng theo các quy tắc cụ thể, như theo kích thước (nhỏ đến lớn), màu sắc, hình dạng, hoặc theo số lượng 1-1; 1-2-1-2,...
44	- Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	+ So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc
45	- Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	+ Tạo ra quy tắc sắp xếp theo suy nghĩ của trẻ.
46	- Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	+ Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. + Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. + Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo
47	- Nhận biết, gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	+ Trẻ gọi tên được khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.
48	- Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	+ Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
49	- Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung	+ Phân loại và gọi tên các nhóm cây cối và con vật dựa trên các đặc điểm chung như: cây ăn quả, cây hoa, hoặc loại động vật nuôi, động vật hoang dã,...
50	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.	+ Các đặc điểm cơ bản của con vật, cây, hoa, quả: hình dáng, màu sắc, kích thước, và âm thanh phát ra. + Có nhiều lợi ích cho cuộc sống.
51	- Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống	+ Các giai đoạn phát triển của cây, con vật: gieo hạt, nảy mầm, cây con,... Giai đoạn sơ sinh, trưởng thành, sinh sản,... + Biết về các điều kiện cần thiết cho sự sống và phát triển: ánh sáng, đất, nước, không khí,...
52	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.	+ Biết và hiểu được các đặc điểm, hành vi, và môi trường sống của các cây, hoa, quả con vật, khác nhau: Hình dạng và kích thước, Màu sắc, Số lượng và loại

		chân, Nơi sinh sống, Sinh sản, Di chuyển,...
53	- Phân loại vật, cây, hoa, quả theo 2 - 3 dấu hiệu.	+ Phân loại con vật dựa trên các đặc điểm rõ ràng: 2 chân, lông vũ thuộc nhóm gia cầm; 4 chân như bò, chó, mèo, heo,... thuộc nhóm gia súc; 6 chân như Ong, bướm,.. thuộc nhóm côn trùng; động vật ăn thịt là thú dữ; động vật ăn cỏ là hiền,... + Trẻ nhận diện, phân loại, và hiểu các đặc điểm của cây, hoa, quả: cây thân gỗ, cây thân mềm, quả nhiều hạt, hoa đơn, hoa kép,...
54	- Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự	+ Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. + Gọi tên các thứ trong tuần
55	- Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	+ Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.
56	- Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	+ Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
57	- Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi, trò chuyện.	+ Số nhà, tên đường, phường, quận/huyện và số điện thoại của người thân
58	- Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	+ Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường.
59	- Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	+ Gọi đúng tên và nhận biết các nhân viên làm việc trong trường học như: bảo vệ, cô lao công, nhân viên y tế, và cấp dưỡng. + Các công việc và nhiệm vụ của từng nhân viên như: công việc gác cổng của bảo vệ; công việc dọn dẹp của cô lao công; công việc chăm sóc sức khỏe của nhân viên y tế; và công việc chuẩn bị bữa ăn của cấp dưỡng.
60	- Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	+ Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
61	- Gọi tên nhóm cây cối, con	+ Trẻ biết cách phân loại và gọi tên các

		vật theo đặc điểm chung	nhóm cây cối và con vật dựa trên các đặc điểm chung như: loại cây (cây ăn quả, cây hoa) hoặc loại con vật (động vật nuôi, động vật hoang dã),...
	62	- Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên	+ Trẻ quan sát và nhận ra các giai đoạn phát triển của cây cối và con vật như: từ hạt giống thành cây; từ trứng thành con vật trưởng thành. + Trẻ tìm hiểu về các hiện tượng tự nhiên như mùa thay đổi, thời tiết, và các hiện tượng khác ảnh hưởng đến môi trường.
	63	- Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra	+ Các dấu hiệu và đặc điểm của hiện tượng tự nhiên như sự thay đổi của thời tiết, sự hình thành của mây, hay các dấu hiệu của mùa, ... + Dự đoán các hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra dựa trên quan sát
	64	- Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề.	+ Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
	65	- Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội.	+ Các lễ hội truyền thống và quốc tế như: Tết Nguyên Đán, Trung Thu, Giáng Sinh, 20/10, 20/11, 22/12, 8/3, 30/4, 1/5, 2/9...
	66	- Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử trên quê hương, đất nước Việt Nam, biết thông tin về Bác Hồ.	+ Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. + Trẻ biết Bác Hồ là vị lãnh tụ dân tộc. Bác Hồ rất yêu các cháu nhỏ và các cháu rất kính yêu Bác Hồ. Lăng Bác Hồ được đặt tại Quảng trường Ba Đình ở Thủ Đô Hà Nội.
	67	- Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày	+ Trẻ học cách hiểu và giải thích các mối quan hệ đơn giản giữa nguyên nhân và kết quả trong các tình huống hàng ngày như; nếu trời mưa thì đất ẩm, hoặc nếu không tưới nước cho cây thì cây không phát triển.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	68	- Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể	+ Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.
	69	- Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...).	+ Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.

70	- Lắng nghe và hiểu sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi.	+ Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
71	- Nhận xét ý kiến của người đối thoại.	+ Sử dụng ngôn ngữ và từ ngữ phù hợp để nhận xét ý kiến, và phản hồi về ý kiến của người đối thoại một cách phù hợp
72	- Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	+ Kể lại sự việc, hiện tượng theo trình tự trẻ đã được quan sát, nhìn thấy.
73	- Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh.	+ Sử dụng từ ngữ phù hợp với các tình huống giao tiếp khác nhau khi giao tiếp mọi người.
74	- Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,...	+ Sử dụng các loại câu khác nhau (câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh) trong các tình huống giao tiếp hàng ngày.
75	- Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái,... của nhân vật.	+ Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.
76	- Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao...	+ Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
77	- Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	+ Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.
78	- Đóng được vai của nhân vật trong truyện.	+ Tham gia đóng kịch.
79	- Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.	+ Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
80	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	+ Sử dụng giọng nói phù hợp với ngữ cảnh, các tình huống. + Đọc các thơ, đồng dao hoặc hát và thay đổi giọng nói để phù hợp với các phần khác nhau của bài hát như: vui nhộn, nhẹ nhàng, lắng đọng.
81	- Chọn sách để “đọc” và xem.	+ Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
82	- Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	+ Kể chuyện sáng tạo theo đồ vật, theo tranh.
83	- Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	+ Làm quen với cách đọc tiếng Việt: Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.

	84	- Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.	+ Làm quen với cách viết: Hướng viết của các nét chữ
	85	- Nhận ra ký nhà vệ sinh, lối ra - vào,...	+ Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm,...)
	86	- Nhận diện được 4 nhóm biển báo giao thông đơn giản.	+ Làm quen với một số nhóm biển báo giao thông đơn giản, đường cho người đi bộ,...)
	87	- Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	+ Nhận dạng các chữ cái.
	88	- Tô, đồ các nét chữ	+ Tập tô, tập đồ các nét chữ.
	89	- Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.	+ Tập sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	90	- Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	+ Nói chính xác các thông tin cơ bản về bản thân, gia đình và địa chỉ nhà
	91	- Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	+ Sở thích, khả năng của bản thân.
	92	- Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	+ Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.
	93	- Biết mình là con/ cháu/anh/chị/em trong gia đình.	+ Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình
	94	- Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	+ Vâng lời, giúp đỡ ba mẹ, cô giáo và người khác những việc vừa sức trong các tình huống hàng ngày.
	95	- Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	+ Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).
	96	- Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	+ Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.
	97	- Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	+ Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.
	98	- Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	+ bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
	99	- Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	+ Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn bè, người thân

	100	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	+ Nhận diện được hình ảnh của Bác Hồ qua các tranh ảnh và tài liệu minh họa + Nhận biết các địa điểm quan trọng gắn liền với hoạt động và cuộc đời của Bác Hồ như: chỗ ở, nơi làm việc, để trẻ hiểu và nhận thức về những địa điểm có ý nghĩa lịch sử.
	101	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	+ Biết Kính yêu Bác Hồ.
	102	- Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	+ Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
	103	- Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình	+ Một số quy định ở lớp, gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ)
	104	- Thực hiện số quy định an toàn giao thông nơi công cộng	+ Đi bộ đúng cách trên vỉa hè hoặc lề đường, giữ khoảng cách an toàn với xe cộ và luôn đi bên phải khi có thể. + Tuân thủ quy định luật giao thông
	105	- Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	+ Sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự phù hợp với hoàn cảnh
	106	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	+ Lắng nghe ý kiến của người khác, không ngắt lời khi người khác nói.
	107	- Biết chờ đến lượt.	+ Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.
	108	- Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, với bạn.	+ Lắng nghe, trao đổi, thỏa thuận và giải quyết vấn đề cùng bạn bè, và học cách làm việc nhóm.
	109	- Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	+ Sử dụng lời nói, hành động để giải quyết xung đột
	110	- Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	+ Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
	111	- Bỏ rác đúng nơi quy định.	+ Giữ gìn vệ sinh môi trường.
	112	- Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	+ Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.
	113	- Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	+ Tiết kiệm điện, nước trong lớp học và gia đình. + Ăn hết khẩu phần ăn của mình
LĨNH	114	- Tán thưởng, tự khám phá,	+ Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe

VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ		bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
	115	- Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc.	+ Chú ý lắng nghe các bài hát và bản nhạc và thể hiện cảm xúc của mình thông qua các hoạt động: hát theo, nhún nhảy, lắc lư, và thực hiện các động tác minh họa phù hợp với giai điệu và nội dung của bài hát.
	116	- Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; Thích nghe và kể câu chuyện	+ Thích nghe và đọc các tác phẩm văn học và cảm thụ nghệ thuật.
	117	- Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	+ Quan sát các tác phẩm nghệ thuật như tranh vẽ, hình ảnh, đồ vật tạo hình, từ đó cảm thụ và nhận xét các yếu tố nghệ thuật như màu sắc, hình dáng, và bố cục.
	118	- Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	+ Hát đúng theo giai điệu và lời ca của bài hát và thể hiện cảm xúc, sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, và cử chỉ, từ đó phát triển khả năng diễn cảm và biểu cảm trong âm nhạc.
	119	- Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	+ Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.
	120	- Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	+ Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.
	121	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, tô màu để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	+ Lựa chọn, phối hợp các kỹ năng vẽ, tô màu để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
	122	- Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	+ Lựa chọn, Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm nghệ thuật có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục hài hòa.
	123	- Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	+ Lựa chọn, Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm và sắp xếp các chi tiết sao cho sản phẩm cuối cùng có tính thẩm mỹ và cân đối.

124	- Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	+ Sử dụng các nguyên vật liệu như giấy, màu, đất sét, vật liệu tái chế, và vật liệu thiên nhiên như lá cây, hoa, hạt để tạo ra các sản phẩm nghệ thuật theo ý tưởng của mình.
125	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	+ Lựa chọn, Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra các tác phẩm nghệ thuật, giúp phát triển khả năng sáng tạo, tư duy hình ảnh và sự khéo léo.
126	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục	+ Nhìn nhận và đánh giá các yếu tố như màu sắc, hình dáng, và cách sắp xếp trong các sản phẩm tạo hình, nhận xét và cảm nhận về tính thẩm mỹ của các sản phẩm.
127	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	+ Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích từ các dụng cụ âm nhạc đơn giản như: trống, xắc xô,... và nhảy múa, lắc lư, thực hiện các động tác vận động theo giai điệu bài hát.
128	- Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	+ Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu
129	- Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	+ Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.
130	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	+ Đặt tên cho sản phẩm của mình.

C. PHẦN III. CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ:

❖ NHÀ TRẺ (24-36 THÁNG TUỔI)

STT	CHỦ ĐỀ	TUẦN	CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN
HỌC KÌ I (18 TUẦN)				
1	Trường Mầm non Hoa Mai của bé (3 tuần)	1	1. Ngày hội đến trường của bé	09/9/2024-13/9/2024
		2	2. Bé và những người bạn Thứ ba ngày 17/9 lồng ghép tết trung thu	16/9/2024-20/9/2024
		3	3. Bé thích đồ chơi gì	23/9/2024-27/9/2024
2	Gia đình của bé (3 Tuần)	4	1. Bé yêu gia đình	30/9/2024-04/10/2024
		5	2. Bé và những người thân	07/10/2024-11/10/2024

		6	3. Đồ dùng cá nhân của bé Thứ 6 ngày 18/10 lồng ghép ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10	14/10/2024-18/10/2024
3	Các loại rau, củ. (4 tuần)	7	1. Các loại rau ăn lá	21/10/2024-25/10/2024
		8	2. Các loại thân dây leo	28/10/2024-01/11/2024
		9	3. Các loại rau ăn quả	04/11/2024-08/11/2024
		10	4. Các loại rau ăn củ	11/11/2024-15/11/2024
4	Các loại trái cây bé thích (4 tuần)	11	1. Các loại quả tròn Thứ 4, sinh hoạt Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	18/11/2024-22/11/2024
		12	2. Các loại quả dài	25/11/2024-29/11/2024
		13	3. Các loại quả ngọt	02/12/2024-06/12/2024
		14	4. Các loại quả chua	09/12/2024-13/12/2024
5	Phương tiện giao thông (4 Tuần)	15	1. Trên đường bộ có những loại xe nào? Thứ 6 lồng ghép ngày thành lập quân đội nhân dân VN	16/12/2024-20/12/2024
		16	2. Xe gì chạy trên đường sắt Thứ 3 ngày 24/12 lồng ghép Lễ Giáng sinh	23/12/2024-27/12/2024
		17	3. Phương tiện giao thông đường thủy Thứ tư ngày 1/1 nghỉ tết dương lịch	30/12/2024-03/01/2025
		18	4. Phương tiện giao thông đường hàng không	06/01/2025-10/01/2025
HỌC KỲ II (17 TUẦN)				
6	Ngày tết vui vẻ (2 tuần)	19	1. Các loại hoa – quả ngày tết	13/01/2025-17/01/2025
		20	2. Các loại bánh mứt ngày tết	20/01/2025-24/01/2025

Nghỉ tết Nguyên Đán Từ ngày 25/01/2025 (25 Âm lịch) đến 02/02/2025 (Mùng 5)				
7	Các loại Hoa (5 tuần)	21	1. Các loại hoa cánh nhỏ	03/02/2025 - 08/02/2025
		22	2. Các loại hoa cánh to	10/02/2025 - 14/02/2025
		23	3. Các loại hoa cánh tròn	17/02/2025 - 21/02/2025
		24	4. Các loại hoa cánh dài	24/02/2025 - 28/02/2025
		25	5. Các loại hoa thân mềm Thứ 6, lồng ghép ngày Quốc tế phụ nữ 8/3	03/03/2025 - 07/03/2025
8	Thế giới động vật (5 tuần)	26	1. Động vật sống trong nhà Con gà - con vịt. Con chó - con mèo	10/03/2025 - 14/03/2025
		27	2. Động vật sống ở trong rừng Voi - Hổ - Khỉ	17/03/2025 - 21/03/2025
		28	3. Động vật sống dưới nước Con cá - con tôm	24/03/2025 - 28/03/2025
		29	4. Động vật biết bay Chim bồ câu	31/03/2025 - 04/04/2025
		30	5. Côn trùng Bướm- Chuồn chuồn Thứ 6, ngày 04/4 sinh hoạt lại ngày giỗ tổ Hùng Vương mừng 10/3	07/04/2025 - 11/04/2025
9	Mùa hè của bé (5 tuần)	31	1. Mùa hè đến rồi Thứ 2 ngày 7/4 nghỉ lễ giỗ tổ Hùng Vương mừng 10/3	14/04/2025 - 18/04/2025
		32	2. Khí hậu mùa hè	21/04/2025 - 25/04/2025
		33	3. Trang phục mùa hè Thứ 4, nghỉ lễ 30/4 và thứ 5 QTLĐ ngày 01/5	05/05/2025 - 10/05/2025
		34	4. Ngày hè vui vẻ (Ngày 10 dạy bù nghỉ lễ 30/4, 1/5 - Dự kiến)	12/5/2025 - 16/05/2025
		35	5. Bé vào lớp Mầm Thứ 2, ngày 19/5 sinh nhật Bác	19/05/2025 - 23/05/2025

❖ KHỐI MẪU GIÁO
➤ KHỐI MẦM (3-4 TUỔI)

STT	CHỦ ĐỀ	TUẦN	CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN
HỌC KÌ I (18 TUẦN)				
1	Trường Mầm non thân yêu của bé (3 tuần)	1	1. Trường Mầm non Hoa Mai của bé	09/9/2024-13/9/2024
		2	2. Lớp học thân yêu của bé Thứ ba ngày 17/9 lồng ghép tết trung thu	16/9/2024-20/9/2024
		3	3. Công việc các cô chú trong trường mầm non.	23/9/2024-27/9/2024
2	Bản thân của bé (3 Tuần) (Ngày hội ngày lễ 20/10)	4	1. Bé là ai?	30/9/2024-04/10/2024
		5	2. Cơ thể bé	07/10/2024-11/10/2024
		6	3. Bé cần gì lớn lên để khỏe mạnh Thứ 6 ngày 18/10 lồng ghép ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10	14/10/2024-18/10/2024
3	Gia đình bé yêu (5 Tuần) (Thứ 4, sinh hoạt ngày hội ngày lễ 20/11)	7	1. Gia đình hạnh phúc của bé	21/10/2024-25/10/2024
		8	2. Bé và những người thân yêu	28/10/2024-01/11/2024
		9	3. Dinh dưỡng cho gia đình	04/11/2024-08/11/2024
		10	4. Thời trang gia đình bé	11/11/2024-15/11/2024
		11	5. Đồ dùng thân quen trong gia đình bé Thứ 4, sinh hoạt Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	18/11/2024-22/11/2024
4	An toàn giao thông (3 tuần)	12	1. Bé biết các loại phương tiện giao thông nào?	25/11/2024-29/11/2024
		13	2. Các loại biển báo giao thông đơn giản	02/12/2024-06/12/2024
		14	3. Bé học luật giao thông	09/12/2024-13/12/2024

5	Những ngành nghề quanh bé (4 tuần) (Ngày hội ngày lễ 22/12 ngày thành lập QĐNDVN)	15	1. Chú bộ đội, chú công an Thứ 6 lồng ghép ngày thành lập quân đội nhân dân VN 22/12	16/12/2024-20/12/2024
		16	1. Nghề dịch vụ- Nghề xây dựng Thứ 3 ngày 24/12 lồng ghép Lễ Giáng sinh	23/12/2024-27/12/2024
		17	2. Bác nông dân. Thứ tư ngày 1/1 nghỉ tết dương lịch	30/12/2024-03/01/2025
		18	4. Bác sĩ, y tá, giáo viên	06/01/2025-10/01/2025
HỌC KỲ II (17 TUẦN)				
6	Tết và Mùa xuân (2 tuần)	19	1. Cảnh vầy mùa xuân	13/01/2025 - 17/01/2025
		20	2. Ngày tết quê em	20/01/2025 - 24/01/2025
Nghỉ tết Nguyên Đán Từ ngày 25/01/2025 (25 Âm lịch) đến 02/02/2025 (Mùng 5)				
7	Thế giới thực vật (5 tuần) Ngày hội ngày lễ (Quốc tế phụ nữ 8/3)	21	1. Bé yêu cây xanh	03/02/2025 - 08/02/2025
		22	2. Vườn cây ăn quả của bé	10/02/2025 - 14/02/2025
		23	3. Các loại hoa bé thích	17/02/2025 - 21/02/2025
		24	4. Một số loại rau xanh	24/02/2025 - 28/02/2025
		25	5. Một số loại củ. Thứ 6, lồng ghép ngày Quốc tế phụ nữ 8/3	03/03/2025 - 07/03/2025
8	Nước - Các hiện tượng thiên nhiên (2 tuần)	26	1. Nước	10/03/2025 - 14/03/2025
		27	2. Những hiện tượng thiên nhiên quanh bé	17/03/2025 - 21/03/2025
9	Thế giới động vật quanh bé (4 tuần) (07/4 nghỉ mừng 10/3 âm lịch)	28	1. Động vật nuôi trong gia đình	24/03/2025 - 28/03/2025
		29	2. Động vật sống trong rừng Thứ 6, ngày 04/4 sinh hoạt lại ngày giỗ tổ Hùng Vương mừng 10/3	31/03/2025 - 04/04/2025

		30	3. Động vật sống dưới nước Thứ 2 ngày 7/4 nghỉ lễ giỗ tổ Hùng Vương mừng 10/3	07/04/2025 - 11/04/2025
		31	4. Một số loài chim – côn trùng	14/04/2025 - 18/04/2025
10	Quê hương khu phố thân yêu của bé (2 tuần) (Nghỉ lễ 30/4 và QTLĐ ngày 1/5)	32	1. Thủ Dầu Một thân yêu của bé Thứ 4, nghỉ lễ 30/4 và thứ 5 QTLĐ ngày 01/5	21/04/2025 - 25/04/2025
		33	1. Khu phố của bé (Ngày 10 dạy bù nghỉ lễ 30/4, 1/5 - Dự kiến)	05/05/2025 - 10/05/2025
11	Thủ đô Hà Nội Và Bác Hồ kính yêu (2 tuần) (Ngày hội ngày lễ 19/5 mừng sinh nhật Bác)	34	1. Thủ đô Hà Nội	12/5/2025 - 16/05/2025
		35	2. Bác Hồ kính yêu Thứ 2, ngày 19/5 sinh nhật Bác Hồ	19/05/2025 - 23/05/2025

➤ **KHÔI CHÔI (4-5 TUỔI)**

STT	CHỦ ĐỀ	TUẦN	CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN
HỌC KÌ 1: 18 TUẦN				
1	Trường Mầm non Hoa Mai thân yêu của bé (2 tuần)	1	1. Trường mầm non Hoa Mai của bé	09/9/2024- 13/9/2024
		2	2. Bé vui hội trăng rằm. Thứ ba ngày 17/9 lồng ghép tết trung thu	16/9/2024- 20/9/2024
2	Bản thân của bé (3 Tuần)	3	1. Cơ thể đáng yêu của bé	23/9/2024- 27/9/2024
		4	2. Các giác quan của bé.	30/9/2024- 04/10/2024
		5	3. Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	07/10/2024- 11/10/2024
3	Gia đình bé yêu (5 Tuần)	6	1. Ngôi nhà của bé Thứ 6 ngày 18/10 lồng ghép ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10	14/10/2024- 18/10/2024
		7	2. Những người thân yêu trong gia đình bé	21/10/2024- 25/10/2024
		8	3. Dinh dưỡng cho gia đình bé	28/10/2024- 01/11/2024
		9	4. Thời trang của gia đình bé	04/11/2024-

				08/11/2024
		10	5. Đồ dùng thân quen trong gia đình bé	11/11/2024-15/11/2024
4	An toàn giao thông (3 tuần)	11	1. Các loại phương tiện giao thông Thứ 4, sinh hoạt Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	18/11/2024-22/11/2024
		12	2. Một số biển báo giao thông quen thuộc	25/11/2024-29/11/2024
		13	3. Bé học luật giao thông	02/12/2024-06/12/2024
5	Những ngành nghề quanh bé (5 tuần)	14	1. Bé yêu Bác nông dân.	09/12/2024-13/12/2024
		15	2. Chú bộ đội, chú công an Thứ 6 lồng ghép ngày thành lập quân đội nhân dân VN 22/12	16/12/2024-20/12/2024
		16	3. Nghề xây dựng Thứ 3 ngày 24/12 lồng ghép Lễ Giáng sinh	23/12/2024-27/12/2024
		17	4. Bác sĩ, y tá, giáo viên Thứ tư ngày 1/1 nghỉ tết dương lịch	30/12/2024-03/01/2025
		18	5. Nghề truyền thống quê em	06/01/2025-10/01/2025
HỌC KÌ II: 17 TUẦN				
6	Tết và Mùa xuân (2 tuần)	19	1. Thời tiết mùa xuân	13/01/2025 - 17/01/2025
		20	2. Ngày tết cổ truyền quê em	20/01/2025 - 24/01/2025
Nghỉ tết Nguyên Đán Từ ngày 25/01/2025 (25 Âm lịch) đến 02/02/2025 (Mùng 5)				
7	Nước - Các hiện tượng thiên nhiên (3 tuần)	21	1.Bé thích mùa nào nhất ?	03/02/2025 - 08/02/2025
		22	2. Nước và những điều kỳ thú	10/02/2025 - 14/02/2025
		23	3. Các hiện tượng thiên nhiên quanh bé	17/02/2025 - 21/02/2025
8	Thế giới thực vật (4 tuần)	24	1. Cây xanh quanh bé Thứ 6, lồng ghép ngày Quốc tế phụ nữ 8/3	24/02/2025 - 28/02/2025
		25	2. Vườn cây ăn quả	03/03/2025 - 07/03/2025
		26	3. Sắc hoa bé yêu	10/03/2025 - 14/04/2025

		27	4. Vườn rau của bé	17/03/2025 - 21/03/2025
		28	5. Động vật nuôi trong gia đình	24/03/2025 - 28/03/2025
9	Thế giới động vật quanh bé (4 tuần)	29	1. Một số con vật sống trong rừng Thứ 2 ngày 7/4 nghỉ lễ giỗ tổ Hùng Vương mừng 10/3	31/03/2025 - 04/04/2025
		30	2. Động vật sống dưới nước	07/04/2025 - 11/04/2025
		31	3. Chim – Côn trùng	14/04/2025 - 18/04/2025
10	Quê hương khu phố thân yêu của bé (2 tuần)	32	1.Thủ Dầu Một thân yêu của bé Thứ 4, nghỉ lễ 30/4 và thứ 5 QTLĐ ngày 01/5	21/04/2025 - 25/04/2025
		33	2.Khu phố của bé Ngày 10 dạy bù nghỉ lễ 30/4, 1/5 - Dự kiến	05/05/2025 - 10/05/2025
11	Thủ đô Hà Nội Và Bác Hồ kính yêu (2 tuần)	34	1. Thủ đô Hà Nội	12/5/2025 - 16/05/2025
		35	3. Bác Hồ kính yêu Thứ 2, ngày 19/5 sinh nhật Bác Hồ	19/05/2025 - 23/05/2025

➤ **LÁ (5-6 TUỔI)**

STT	CHỦ ĐỀ	TUẦN	CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN
HỌC KÌ 1: 18 TUẦN				
1	Trường Mầm non Hoa Mai thân yêu của bé (2 tuần)	1	1. Trường mầm non Hoa Mai của bé.	09/9/2024- 13/9/2024
		2	2. Lớp học thân yêu của	16/9/2024- 20/9/2024
2	Bản thân của bé (2Tuần)	3	1. Các giác quan của bé	23/9/2024- 27/9/2024
		4	2. Tôi cần gì lớn lên và khỏe mạnh?	30/9/2024- 04/10/2024
3	Gia đình bé yêu	5	1. Nhà của bé	07/10/2024- 11/10/2024

	(3. Tuần)	6	2. Những người thân của bé. Thứ 6 sinh hoạt Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10	14/10/2024-18/10/2024
		7	3. Nhu cầu gia đình của bé.	21/10/2024-25/10/2024
4	Những ngành nghề quanh bé (4 tuần)	8	1. Bác nông dân, cô bán hàng	28/10/2024-01/11/2024
		9	2. Nghề dịch vụ- Nghề xây dựng	04/11/2024-08/11/2024
		10	3. Chú bộ đội và chú công an của bé	11/11/2024-15/11/2024
		11	4. Nghề chăm sóc sức khỏe và giáo dục bé Thứ 4, Ngày 20/11 Ngày nhà giáo	18/11/2024-22/11/2024
5	Thế giới thực vật (4 tuần)	12	1. Bé yêu cây xanh và môi trường sống	25/11/2024-29/11/2024
		13	2. Bé biết những loại hoa gì?	02/12/2024-06/12/2024
		14	3. Các loại quả bé thích	09/12/2024-13/12/2024
		15	4. Bé thích các loại rau nhiều vitamin Thứ 6 sinh hoạt ngày 22/12	16/12/2024-20/12/2024
6	Một số hiện tượng thiên nhiên (3 tuần)	16	1. Các hiện tượng thiên nhiên Thứ 3, tổ chức Noel cho bé trong sinh hoạt chiều.	23/12/2024-27/12/2024
		17	2. Nước - cát - sỏi – đá Thứ 4 nghỉ tết dương lịch 1/1/2025	30/12/2024-03/01/2025
		18	3. Cùng bé bảo vệ môi trường. Biển đổi khí hậu	06/01/2025-10/01/2025
HỌC KÌ II: 17 TUẦN				
7	Tết và Mùa xuân (3 tuần)	19	1. Mùa xuân của em	13/01/2025-17/01/2025
		20	2. Tết nguyên đán	20/01/2025-24/01/2025
Nghỉ tết Nguyên Đán Từ ngày 25/01/2025 (25 Âm lịch) đến 02/02/2025 (Mùng 5)				
	Danh lam	21	1. Danh lam thắng cảnh quê em	03/02/2025 -

8	thăng cảnh quê em (2 tuần)			08/02/2025
		22	2. Di tích lịch sử và các ngày lễ hội quê em	10/02/2025 - 14/02/2025
9	An toàn giao thông (2 tuần)	23	1. Các loại phương tiện giao thông	17/02/2025 - 21/02/2025
		24	2. Các biển báo giao thông quen thuộc Thứ 7, Ngày Quốc Tế Phụ Nữ 8/3	24/02/2025 - 28/02/2025
10	Thế giới động vật (5 tuần)	25	1. Những con vật đáng yêu trong gia đình bé	03/03/2025 - 07/03/2025
		26	2. Một số con vật sống trong rừng	10/03/2025 - 14/03/2025
		27	3. Một số con vật sống dưới nước	17/03/2025 - 21/03/2025
		28	Một số loại chim	24/03/2025 - 28/03/2025
		29	1. Côn trùng Thứ 5, Lễ mừng sinh hoạt ngày giỗ tổ Hùng Vương mừng 10/3)	31/03/2025 - 04/04/2025
11	Quê huương khu phổ thân yêu của bé (2 tuần)	30	1. Thủ Dầu Một thân yêu của bé	07/04/2025 - 11/04/2025
		31	2. Khu phố nơi bé đang sống	14/04/2025 - 18/04/2025
12	Trường tiểu học (2 tuần)	32	1. Trường Tiểu Học LỄ 30/4 và 1/5 (thứ 4, thứ 5)	21/04/2025 - 25/04/2025
		33	2 Bé chuẩn bị vào lớp 1 Ngày 10 dạy bù nghỉ lễ 30/4, 1/5 - Dự kiến	05/05/2025 - 10/05/2025
13	Thủ đô Hà Nội Và Bác Hồ kính yêu (2 tuần)	34	1. Thủ đô Hà Nội	12/5/2025 - 16/05/2025
		35	2. Bác Hồ kính yêu Thứ 2, ngày 19/5 sinh nhật Bác Hồ	19/05/2025 - 23/05/2025

D. PHẦN IV: CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

❖ NHÀ TRẺ (24-36 THÁNG TUỔI)

THỜI GIAN		THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6
6h30 – 7h00	30'	Đón trẻ				
7h00 – 7h10	10'	Thẻ đục sáng, điểm danh				

7h15 – 8h	45'	Ăn sáng				
8g - 8g40	40'	Hoạt động ngoài trời				
8h40 – 8h55'	10'	Vệ sinh - uống sữa				
8h55 – 9h10'	12-15'	Nhận biết tập nói	Thể dục giờ học	Tạo hình	Giáo dục âm nhạc	Nhận biết phân biệt
9h10 -9h50'	40'	Hoạt động vui chơi				
9h50 -10h5'	15'	Vệ sinh, chuẩn bị ăn trưa				
10h5-10h55'	60'	Ăn trưa				
10h55 - 14h00'	180'	Ngủ trưa				
14h -14h40'	40'	Vận động, vệ sinh, ăn nhẹ				
14h40 - 15h00'	20'	Hướng dẫn trò chơi mới	Thơ	Hoạt động với đồ vật	Kể chuyện	Ôn hát, múa...
15h-16h30'	90'	Ăn xế – vệ sinh				
16h30 – 17h00'	30'	Trà trễ				

❖ MẪU GIÁO:

➤ KHỐI MẦM (3-4 TUỔI)

THỜI GIAN		THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
6h30 – 7h00	30'	Đón trẻ				
7h00 – 7h10	10'	Thể dục sáng, điểm danh				
7h15 – 8h	45'	Ăn sáng				
8g - 8g40	40'	Hoạt động ngoài trời				
8g40 - 8g50	10'	Vệ sinh - uống sữa				
9h00 - 9h30	25'	Hoạt động Khám phá	Tạo hình	Làm quen với toán	Làm quen văn học Thể dục giờ học.	Giáo dục âm nhạc
9g30 -10g20	50'	Hoạt động vui chơi				
10g20 - 11h20	60'	Vệ sinh - Ăn trưa				
11h20 - 13h50	160'	Ngủ trưa				
13h50 - 14h20	30'	Vệ sinh - Ăn nhẹ				

14h20 -15h20	60'	- Ngoại khóa - Hướng dẫn trò chơi mới	- Ngoại khóa - Ôn thơ, bài hát, TTVS...	- Tạo hình ngoài tiết học	- Ngoại khóa - Dạy kỹ năng sống	- Ngoại khóa - Phòng máy - Sinh hoạt tập thể
15h20 - 16h	40'	Vệ sinh - Ăn xế				
16h - 16h30	30'	Nêu gương				
16h30 - 17h	30'	Trả trẻ				

➤ **KHỐI CHỒI (4-5 TUỔI)**

THỜI GIAN		THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
6h30 – 7h00	30'	Đón trẻ				
7h00 – 7h10	10'	Thể dục sáng, điểm danh				
7h15 – 8h	45'	Ăn sáng				
8h - 8h40	40'	Hoạt động ngoài trời				
8h40 – 8h50	10'	Vệ sinh - uống sữa				
9h00 - 9h30	25'	Hoạt động Khám phá	Làm quen với toán	Làm quen văn học Thể dục giờ học	Giáo dục âm nhạc	Tạo hình
9h30 -10h20	50'	Hoạt động vui chơi				
10g20 - 11h20	60'	Vệ sinh - Ăn trưa				
11h20 - 13h50	160'	Ngủ trưa				
13h50 - 14h20	30'	Vệ sinh - Ăn nhẹ				
14h20 -15h20	60'	- Hướng dẫn trò chơi mới - HĐNK	- Ôn thơ, bài hát theo chủ đề - HĐNK	Tạo hình ngoài tiết học	- Ôn thao tác vệ sinh - HĐNK	- Sinh hoạt tập thể - HĐNK
15h20 - 16h	40'	Vệ sinh - Ăn xế				
16h - 16h30	30'	Nêu gương				
16h30 - 17h	30'	Trả trẻ				

➤ KHÔI LÁ (5-6 TUỔI)

THỜI GIAN		THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TU	THỨ NĂM	THỨ SÁU
6h30 – 7h00	30’	Đón trẻ				
7h00 – 7h15	15’	Thể dục sáng, điểm danh, tiêu chuẩn bé ngoan				
7h15 – 7h55	40’	Vệ sinh - Ăn sáng				
8h00 – 8h40	40’	Hoạt động ngoài trời				
8h40 – 8h50	10’	Vệ sinh - uống sữa				
8h50 – 9h25	30’	Hoạt động khám phá Giáo dục âm nhạc	Tạo hình Thể dục giờ học	Làm quen văn học	Làm quen với toán	Làm quen chữ viết
9h30 – 10h20	50’	Hoạt động vui chơi				
10h20 – 10h30	10’	Vệ sinh, chuẩn bị ăn trưa				
10h30 – 11h30	60’	Ăn trưa				
11h30 – 14h00	150’	Ngủ trưa				
14h00 – 14h15	15’	Vệ sinh sau khi ngủ dậy, ăn nhẹ				
14h15 – 15h10	55’	- Dạy TC mới - HĐNK	- Dạy TTVS - HĐNK	Tạo hình ngoài tiết học	- Ôn luyện chữ cái, số - HĐNK	- Sinh hoạt tập thể - HĐNK
15h10 – 16h00	50’	Vệ sinh chuẩn bị ăn xế - Ăn xế – vệ sinh				
16h00 – 16h30	30’	Nêu gương				
16h30 – 17h00	30’	Trả trẻ				

Các ngày lễ hội tổ chức trong năm:**- Tổ chức chung toàn trường:**

- Ngày Hội đến trường
- Ngày Tết trung thu (15/8 âm lịch)
- Ngày tổng kết năm học và Tết thiếu nhi
- Ngày Tết Nguyên Đán

- Tổ chức theo tổ:

- Ngày Tết cô giáo (20/11)
- Ngày Tết chú bộ đội (22/12)
- Ngày Tết của bà, mẹ (8/3)

- Tổ chức theo lớp:

- Ngày sinh nhật Bác Hồ: 19/5
- Mừng sinh nhật các cháu trong tháng: Thứ sáu tuần cuối tháng (kết hợp tổ chức BTLNT)

Trên đây là kế hoạch thực hiện công tác giáo dục năm học 2024 – 2025 của trường Mầm non Hoa Mai.

Nơi nhận:

- BGH trường
- Tổ trưởng các khối
- Lưu: VT.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Mỹ Diễm

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Tuyết Mai